

Đề xuất chuẩn đánh giá năng lực sáng tạo của học sinh trung học phổ thông trong tạo lập văn bản nghị luận

Đỗ Thu Hà¹, Nguyễn Thị Hương Lan²

¹ Email: hadt@vnies.edu.vn

² Email: lannth@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết phân tích một số căn cứ gồm yêu cầu cần đạt về năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của học sinh trung học phổ thông đã được xác định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018, yêu cầu cần đạt về kĩ năng viết bài văn nghị luận ở trung học phổ thông được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, một số kết quả nghiên cứu có liên quan về đánh giá năng lực sáng tạo, đánh giá năng lực tạo lập văn bản của tác giả trong nước và nước ngoài. Đồng thời, xác định một số định hướng chính trong việc đề xuất chuẩn đánh giá năng lực sáng tạo trong tạo lập văn bản nghị luận của học sinh trung học phổ thông. Trên cơ sở đó, bước đầu đề xuất chuẩn đánh giá năng lực sáng tạo của học sinh trung học phổ thông trong tạo lập văn bản nghị luận.

TỪ KHÓA: Chuẩn đánh giá; năng lực sáng tạo; tạo lập văn bản nghị luận; học sinh trung học phổ thông.

→ Nhận bài 13/8/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 08/10/2020 → Duyệt đăng 25/02/2021.

1. Đặt vấn đề

Năng lực sáng tạo (NLST) được hiểu là khả năng của một người trong việc sản sinh các ý tưởng mới, nhìn nhận vấn đề theo cách mới, phát hiện cái mới trong cái cũ để tạo ra các sản phẩm mới. Sáng tạo là một trong những năng lực có vai trò quan trọng giúp con người vượt qua được những thách thức để đạt tới thành công. Nhất là trong thế kỉ XXI - thế kỉ của cuộc cách mạng tri thức - sáng tạo được xem là cội nguồn sức mạnh của mỗi quốc gia, dân tộc. Do đó, phát triển NLST của người học là một trong những mục tiêu của chương trình (CT) giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong CT giáo dục phổ thông (GDPT) tổng thể 2018, NLST gắn liền với NL giải quyết vấn đề và được biểu hiện ở 6 thành tố: 1/ Nhận ra ý tưởng mới; 2/ Phát hiện và làm rõ vấn đề; 3/ Hình thành và triển khai ý tưởng mới; 4/ Đề xuất, lựa chọn giải pháp; 5/ Thực hiện và đánh giá giải pháp; 6/ Tư duy độc lập. Căn cứ vào cấu trúc của NLST và đề xuất biểu hiện NLST được đề cập trong CT, đồng thời gắn với nhiệm vụ học tập của HS ở nhà trường phổ thông, có thể khái quát các thành tố của NLST gồm: *Đề xuất ý tưởng mới; Hình thành và triển khai ý tưởng mới; Đưa ra giải pháp mới và vận dụng vào thực tiễn; Sáng tạo sản phẩm mới.*

Thực hiện những nhiệm vụ đặt ra từ CT GDPT tổng thể, CT GDPT Ngữ văn 2018 đã chú trọng vấn đề phát triển NLST của học sinh (HS), điều này được thể hiện ngay trong mục tiêu của môn học: “Góp phần giúp HS phát triển các năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học,

năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo” [1]. Mục tiêu này bám sát đặc trưng của môn Ngữ văn - môn học thuộc lĩnh vực Giáo dục ngôn ngữ và văn học - vừa mang tính công cụ vừa mang tính thẩm mỹ nhân văn và khơi nguồn sáng tạo cho HS. Ở cấp Trung học phổ thông (THPT), CT môn Ngữ văn 2018 có một số đặc điểm chính là củng cố và phát triển các kết quả của giai đoạn giáo dục cơ bản, giúp HS nâng cao năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học trong đó nhấn mạnh tới yêu cầu **tăng cường kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận (VBNL)**. Yêu cầu này cũng đặt ra những nhiệm vụ học tập nhiều tiềm năng để phát triển NLST cho HS góp phần thực hiện mục tiêu môn học. Để xem xét kết quả thực hiện mục tiêu phát triển NLST của HS trong tạo lập VBNL thì rất cần phải có chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL. Đây là vấn đề cần thiết nhưng hết sức phức tạp, muốn giải quyết được thấu đáo cần có những nghiên cứu quy mô, chuyên sâu. Bởi phương pháp, kĩ thuật xây dựng chuẩn đánh giá năng lực cần bắt đầu từ việc xác định những lí thuyết nền tảng cho việc xây dựng chuẩn đánh giá đến việc thiết lập và thực hiện quy trình xây dựng chuẩn bao gồm hai giai đoạn và 9 bước thực hiện như đề xuất của nhóm tác giả Nguyễn Lộc, Nguyễn Thị Hương Lan Phương [2]. Trong phạm vi một bài báo, chúng tôi tập trung xác định: Những căn cứ để đề xuất chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL và một số định hướng trong việc đề xuất chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL; bước đầu phác thảo chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL của HS THPT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số căn cứ để đề xuất chuẩn đánh giá năng lực sáng tạo trong tạo lập văn bản nghị luận của học sinh trung học phổ thông

Như đã nói, chuẩn đánh giá NLST là một vấn đề phức tạp, cần có những nghiên cứu chuyên sâu. Bản thân khái niệm “chuẩn đánh giá” cũng còn nhiều vấn đề đang tranh luận. Trên thực tế có thể có những cách gọi khác nhau như “yêu cầu cần đạt” hay “kết quả cần đạt”. Tuy nhiên, trong khoa học đánh giá, chuẩn đánh giá năng lực được hiểu là “những mô tả, hình ảnh hoặc cả hai về con đường phát triển năng lực trong quá trình giáo dục” [2]. Để xây dựng chuẩn đánh giá năng lực, việc xác định các thành tố, tiêu chuẩn, tiêu chí là cần thiết và là căn cứ quan trọng để tiến hành hoạt động đánh giá. Mặt khác, để đánh giá năng lực của người học, khi xem xét các yêu cầu, nhiệm vụ cần đạt, chúng tôi xác định theo các mức độ (chuẩn và trên chuẩn). Do vậy, trong phạm vi của bài báo, chúng tôi sử dụng khái niệm “chuẩn đánh giá” và xem xét, đề xuất chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL của HS THPT dựa trên những căn cứ sau:

Thứ nhất, là các yêu cầu cần đạt về năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của HS THPT đã được xác định trong *CTGDPT tổng thể 2018* [3]. Theo đó, yêu cầu cần đạt về năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được phân chia cụ thể với từng cấp học. Chúng tôi sẽ dựa vào 6 thành tố của NL giải quyết vấn đề và sáng tạo sau đây để lựa chọn, phân xuất, mô tả các mức độ của chuẩn năng lực sáng tạo trong tạo lập VBNL của HS THPT làm căn cứ cho việc đánh giá.

- Nhận ra ý tưởng mới: Xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.

- Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.

- Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.

- Thiết kế và tổ chức hoạt động: Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp; Tập hợp và điều phối được nguồn

lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động. Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao. Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.

- Tư duy độc lập: Đặt được nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

Thứ hai, là yêu cầu cần đạt về kỹ năng viết bài văn nghị luận ở THPT được quy định trong CT GDPT môn Ngữ văn 2018 [1]. Cụ thể là:

Đối với lớp 10: Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước, có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

Thực hành viết:

- Viết được một VBNL về một vấn đề xã hội; trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục: Chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.

- Viết được một VBNL phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học: Chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.

- Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

Đối với lớp 11: Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước

Thực hành viết:

- Viết được VBNL về một vấn đề xã hội, trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục: Chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.

- Viết được VBNL về một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng; nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.

Đối với lớp 12: Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước

Thực hành viết:

- Viết được một bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội; trình bày rõ hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục: Chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; biết đặt ra các ý kiến phản bác để trao đổi, tranh luận lại; sử dụng các yếu tố thuyết minh và biểu cảm.

- Viết được VBNL về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.
- Viết được VBNL so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.
- Viết được văn bản dưới hình thức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.

Thứ ba, là một số kết quả nghiên cứu có liên quan về đánh giá NLST, đánh giá năng lực tạo lập văn bản (TLVB) của các tài liệu nước ngoài như *CT Tiếng Anh* của Úc [4], đánh giá ba phương diện: 1/ *Mục đích viết*: HS được yêu cầu tạo ra các văn bản chi tiết có cấu trúc mạch lạc để phân tích văn bản hoặc một loại hình nghệ thuật khác, qua đó thể hiện sự đồng thuận hoặc phản đối một quan điểm; 2/ *Dạng văn bản*: Tùy thuộc vào đối tượng HS, CT môn Tiếng Anh đặt ra những yêu cầu phù hợp về các dạng văn bản từ đơn giản đến phức tạp. Có thể là viết một số câu với cấu trúc ngữ pháp đơn giản; các đoạn văn ngắn với một phạm vi hẹp; văn bản thông tin, VBNL có sử dụng hình ảnh, bảng biểu...; văn bản có hiệu ứng đặc biệt (kỹ thuật số hoặc đa phương thức) với sự lựa chọn thông tin, ý tưởng và hình ảnh từ một loạt các nguồn tài nguyên; 3/ *Những yêu cầu kiến thức liên quan*: Ngữ pháp, từ vựng, chữ viết với những tiêu chí sau: Sử dụng chính xác về ngữ pháp, từ vựng, chữ viết, dấu câu; phát triển phong cách riêng của mình bằng cách thử nghiệm các tính năng ngôn ngữ, thể hiện văn phong, xây dựng cấu trúc văn bản và lựa chọn hình ảnh; Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện những văn bản của mình hoặc người khác để điều chỉnh nội dung cho phù hợp với mục đích giao tiếp. *CT tiếng Anh của Newzealand* [5], năng lực TLVB của HS được đánh giá thông qua các chỉ số: *Mục đích và đối tượng của văn bản* (tạo lập được những văn bản đúng về mục đích và đối tượng thông qua sự lựa chọn kỹ lưỡng ngôn ngữ, nội dung và hình thức văn bản; có cách truyền đạt và thể hiện quan điểm cá nhân phù hợp); *Ý tưởng thể hiện trong văn bản* (phát triển ý tưởng, thông tin và sự hiểu biết, tạo ra văn bản có chiều sâu về tư tưởng và nhận thức); *Các đặc trưng ngôn ngữ của văn bản* (sử dụng thành thạo các quy tắc ngôn ngữ về chính tả, từ vựng, ngữ pháp, đặc trưng văn bản... để TLVB đúng mục đích, có ý nghĩa, có hiệu quả giao tiếp và thu hút sự quan tâm của người đọc, người nghe); *Cấu trúc và hình thức văn bản* (sử dụng hình thức văn bản đúng quy chuẩn). *Các chuẩn chung cốt lõi của bang California trong môn “Tiếng Anh nghệ thuật”* [6], năng lực tạo lập VBNL được xem xét trên các phương diện: mức độ đầy đủ, chính xác của hệ thống luận điểm; khả năng phát triển các luận điểm; tính liên kết và mạch lạc của bài viết; các phương tiện tu từ được sử dụng trong bài viết; giọng điệu và các quy chuẩn thể hiện trong bài viết.

Trên đây là một số căn cứ mà chúng tôi sử dụng để đề xuất chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL của HS THPT với hi vọng bước đầu giúp cho giáo viên (GV) có thể đánh giá được một cách chính xác khách quan NLST của HS thông qua sản phẩm viết (bài văn nghị luận), từ đó khuyến khích HS thoát khỏi cách viết theo những lối mòn cố hữu hay sự phụ thuộc thái quá vào các bài văn mẫu, thoát khỏi áp lực học thuộc văn để đạt điểm cao trong các kì thi góp phần hình thành và phát triển NLST của HS.

2.2. Một số định hướng trong việc đề xuất chuẩn đánh giá năng lực sáng tạo trong tạo lập văn bản nghị luận của học sinh trung học phổ thông

Thứ nhất, đảm bảo phù hợp với thực tiễn dạy TLVB viết ở trường THPT. Theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến năm học 2022 - 2023 HS THPT bắt đầu thực hiện CT, sách giáo khoa mới. CT, sách giáo khoa mới có những thay đổi cơ bản về phương pháp dạy học mà quan điểm dạy học phát triển năng lực được xem như một sự đột phá. Vấn đề này đặt ra yêu cầu đối với GV cần cập nhật được những tri thức mới về phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của HS.

Căn cứ vào tình hình dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn nói chung, kỹ năng tạo lập VBNL nói riêng trong nhà trường phổ thông, căn cứ vào đặc điểm tâm sinh lý của đối tượng HS cấp THPT, các chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL được đề xuất phải phù hợp với đa số HS ở các vùng miền, vừa xuất phát từ các yêu cầu tạo lập VBNL trong CT Ngữ văn hiện hành, vừa tiếp cận sâu với CT Ngữ văn 2018. Các chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL được đề xuất cũng bám sát với thực tiễn dạy học Làm văn trong nhà trường phổ thông, đảm bảo tính khả thi, góp phần thúc đẩy chất lượng dạy học Làm văn theo hướng phát triển NLST cho HS.

Thứ hai, đảm bảo tính vừa sức và tạo sức trong dạy học đối với HS THPT. Nếu như *CT môn Ngữ văn* hiện hành chưa trình bày được những biểu hiện của yêu cầu phát triển nâng cao trong thực hành viết thì đến *CT môn Ngữ văn 2018* đã khắc phục được hạn chế này. Các yêu cầu viết được nâng cao dần với từng loại văn bản và phương thức biểu đạt, trong đó có yêu cầu tạo lập VBNL. Nếu như yêu cầu chung được xuyên suốt cả ba khối lớp 10, 11, 12 là: Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn; những yêu cầu cụ thể được mở rộng và nâng cao dần từ lớp 10 đến lớp 11 và cuối cùng là lớp 12. Những yêu cầu này bao gồm: Chủ đề bài viết, các thao tác cần

sử dụng trong bài viết, các đối tượng viết (tác phẩm văn học, tác phẩm nghệ thuật, so sánh các tác phẩm văn học), mục đích viết (ngày càng gắn chặt hơn với thực tiễn cuộc sống),... Bám sát những yêu cầu của từng khối lớp, các chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL được đề xuất cũng cần thể hiện được sự phát triển phù hợp, sao cho không chỉ đo được mức độ vừa sức với các đối tượng HS mà còn đo được sức bật trong “vùng phát triển gần” của các em. Tính vừa sức và tạo sức trong dạy học khi đề xuất chuẩn cần thể hiện ở sự phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của HS THPT, nghĩa là cần hiểu rõ sự phát triển về mặt tư duy, khả năng sáng tạo của HS để đưa ra các yêu cầu cần đạt phù hợp. Song thực tế cũng cho thấy, cùng một lứa tuổi nhưng các nhóm HS có sự phát triển trí tuệ, thể chất không giống nhau. Vì vậy, khi xác định các biểu hiện của chuẩn để đánh giá NLST của HS cũng cần lưu ý đến tính mở để đo được sự sáng tạo của các nhóm HS khác nhau, từ đó khuyến khích HS hướng tới sự sáng tạo một cách linh hoạt, đa dạng và chủ động.

Thứ ba, chú trọng tới từng thành tố của NLST trong tạo lập VBNL. Cấu trúc của NLST gồm các thành tố đầu vào (cấu trúc bề mặt) và các thành tố đầu ra (cấu trúc bề sâu). Trong đó, cấu trúc bề mặt gồm các yếu tố về kiến thức, kỹ năng sáng tạo trong tạo lập VBNL, thái độ của cá nhân như sự tò mò, yêu thích, ham hiểu biết, muốn khám phá cái mới,... Cấu trúc bề sâu gồm ba yếu tố được phân giải thành các hành vi cụ thể gồm: *Phát hiện vấn đề* (có trí tưởng tượng, suy luận phong phú, phát hiện và làm rõ được các yếu tố mới, đặt ra những câu hỏi băn khoăn về vấn đề nghị luận,...); *Giải quyết vấn đề* (đưa ra được các ý tưởng mới dựa trên cái đã có, tìm ra được giải pháp mới so với cái đã có, bảo vệ được quan điểm cá nhân, vận dụng được các giải pháp vào tình huống cụ thể,...); *Sáng tạo được sản phẩm mới* (tạo ra được sản phẩm mới mang dấu ấn cá nhân trên cơ sở cái đã có). Về mặt tâm lý, HS cấp THPT đang ở giai đoạn phát triển cao của nhận thức. Giai đoạn này xảy ra đồng thời một loạt những thay đổi bao gồm: sự chín muồi về thể chất, sự biến đổi điều chỉnh tâm lý, khát khao kiếm tìm cái mới, ... Đây chính là cơ sở để GV có thể tác động bằng các phương pháp sư phạm nhằm “kích hoạt” NLST ở HS. Trong dạy học làm văn nói chung và tạo lập VBNL nói riêng, HS hoàn

toàn có thể phát hiện điểm mới của vấn đề nghị luận, tìm được cách giải quyết riêng và tạo ra được những sản phẩm (bài viết, bài nói) với những sáng tạo độc đáo nếu các em được khích lệ và dẫn dắt đúng cách. Những thành tố của chuẩn đánh giá NLST vì vậy cũng cần bám sát các yêu cầu đặt ra đối với kỹ năng tạo lập VBNL của HS để đo được đúng mục tiêu dạy học.

Thứ tư, chú trọng tới tiến trình viết văn bản nghị luận để khuyến khích HS làm ra sản phẩm sáng tạo. Cách dạy học mạch làm văn trong môn Ngữ văn ở CT hiện hành chưa chú trọng đến tiến trình viết (để biết HS tạo ra sản phẩm như thế nào) mà chỉ chú trọng đến sản phẩm cuối cùng (bài viết của HS). Đây cũng là lý do chi phối đến cách dạy của GV và cách học của HS ở THPT: GV giảng giải và cung cấp cho HS “sườn” của bài văn, nhưng “sườn” đó có khi chỉ cần bỏ đi các gạch đầu dòng và thêm vào một số từ nối là tạo nên bài văn hoàn chỉnh, còn HS thì cắm cúi học thuộc bằng những cách khác nhau để nhớ được nội dung của bài văn, mong muốn đi thi sẽ “trúng đề” để chép lại những nội dung đã học thuộc. Cách dạy và học này thực chất đã từng bước “triệt tiêu một cách hiệu quả” NLST của HS. HS sẽ thấy vô cùng khó khăn nếu phải giải quyết một đề bài khác không giống như đề bài đã làm, đã học. Khắc phục tình trạng này, khi đề xuất chuẩn đánh giá NLST trong TLVB cần lưu ý đến quá trình TLVB của HS, đánh giá cách giải quyết vấn đề để tạo ra sản phẩm một cách chủ động, linh hoạt và sáng tạo. Các chuẩn đánh giá NLST vì vậy cần đo được những ý tưởng mới của HS khi tiếp cận với yêu cầu/nhiệm vụ đặt ra ở đề bài, sau đó là cách giải quyết vấn đề thể hiện những yếu tố mới thoát khỏi lối mòn tư duy, sự phụ thuộc vào GV hay các bài văn tham khảo đã biết; khả năng chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm và cuối cùng là cách trình bày và công bố sản phẩm có dấu ấn cá nhân, cho thấy sự tìm tòi, độc đáo.

2.3. Phác thảo Chuẩn đánh giá năng lực sáng tạo trong tạo lập văn bản nghị luận của học sinh trung học phổ thông

Dựa trên những căn cứ và các định hướng đề xuất chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL đã trình bày ở phần trên, bám sát CT Ngữ văn 2018 chúng tôi đề xuất chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL với ba mức từ 1 - 3 như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1: Chuẩn đánh giá NLST trong tạo lập VBNL của HS THPT

Nhiệm vụ	Chuẩn NLST trong tạo lập VBNL của HS THPT		
	Mức 1	Mức 2	Mức 3
1. Đề xuất được ý tưởng	Có ý tưởng phù hợp với vấn đề cần nghị luận đặt ra ở đề bài.	Có ý tưởng riêng phù hợp với vấn đề cần nghị luận đặt ra ở đề bài, biểu hiện được sắc thái cá nhân trong cách tiếp cận vấn đề.	Có những ý tưởng riêng phù hợp với vấn đề cần nghị luận đặt ra ở đề bài, phát hiện ra những điểm mới của vấn đề nghị luận, cách tiếp cận vấn đề thể hiện sắc thái cá nhân và tính mở.

Nhiệm vụ	Chuẩn NLST trong tạo lập VBNL của HS THPT		
	Mức 1	Mức 2	Mức 3
2. Sự nhuần nhuyễn, linh hoạt trong mạch ý	Vấn đề nghị luận được giải quyết phù hợp; lí lẽ, dẫn chứng điển hình và được luận giải, phân tích sáng rõ, có sức thuyết phục.	Vấn đề nghị luận được giải quyết nhuần nhuyễn; lí lẽ, dẫn chứng điển hình và được luận giải, phân tích sáng rõ, giàu sức thuyết phục; bước đầu thể hiện sự tìm tòi, thể nghiệm mới mẻ trong cách dùng hoặc phân tích luận giải dẫn chứng.	Vấn đề nghị luận được giải quyết nhuần nhuyễn, thấu đáo; lí lẽ, dẫn chứng điển hình, mới mẻ và được luận giải, phân tích sâu sắc, giàu sức thuyết phục; thể hiện rõ sự tìm tòi, phát hiện mới mẻ, độc đáo trong cách dùng hoặc phân tích luận giải dẫn chứng.
3. Tiếp cận đa chiều	Quan điểm về vấn đề nghị luận được thể hiện phù hợp, rõ ràng, cho thấy sự thống nhất trong toàn bài viết.	Quan điểm về vấn đề nghị luận được thể hiện phù hợp, rõ ràng; bước đầu cho thấy sự đa dạng trong cách tiếp cận với biểu hiện của sự tìm tòi và tư duy phản biện.	Quan điểm về vấn đề nghị luận được thể hiện thuyết phục; vấn đề nghị luận được lí giải ở nhiều chiều thể hiện rõ sự tìm tòi, khám phá và tư duy phản biện, cho thấy sự hiểu biết thấu đáo, toàn diện, có tính mới.
4. Văn phong, diễn đạt	Sử dụng phù hợp từ ngữ, kiểu câu, dấu câu,... có dùng biện pháp tu từ để tăng cường hiệu quả diễn đạt; văn phong có sức thuyết phục.	Sử dụng phù hợp từ ngữ, kiểu câu, dấu câu, ... có dùng một số biện pháp tu từ khác nhau để tăng cường hiệu quả diễn đạt; văn phong giàu sức thuyết phục.	Sử dụng có chủ ý, cho thấy sự sáng tạo về cách dùng từ ngữ/kiểu câu/dấu câu,... và một số biện pháp tu từ khác nhau để tăng cường hiệu quả diễn đạt; văn phong giàu sức thuyết phục, thể hiện sắc thái cá nhân.
5. Cách thức trình bày và công bố sản phẩm	Sản phẩm được trình bày và công bố theo cách thông thường, đơn giản, dễ thực hiện (đưa bài viết/ bài nói lên trang cá nhân/ nhóm, góc lưu trữ sản phẩm học tập ở lớp/nhà,...).	Sản phẩm được trình bày và công bố theo cách thức riêng, bước đầu thể hiện sự tìm tòi, sáng tạo (bài viết có kết hợp với trang trí, bài nói có kết hợp với hình ảnh, nhạc điệu,...), sản phẩm đưa lên trang cá nhân/nhóm, góc lưu trữ sản phẩm học tập ở lớp/nhà,...) hay các tạp san, báo tường của lớp/trường,...	Sản phẩm được trình bày và công bố theo cách thức riêng, thể hiện rõ nét sự tìm tòi, sáng tạo độc đáo (kênh chữ kết hợp với kênh hình, âm thanh/nhạc họa,...), sản phẩm đưa lên trang cá nhân/nhóm, góc lưu trữ sản phẩm học tập ở lớp/nhà,...) hay đưa lên tạp san, báo tường của lớp/trường, các trang web, các toà soạn báo,...

3. Kết luận

Theo Patrick Griffin, một chuyên gia đánh giá của Đại học Melbourne (Úc) thì không có phương thức nào được xem là tốt nhất để đánh giá người học. Song cách tiếp cận hữu ích nhất là quan sát các hoạt động của HS và giải thích các hành vi của HS theo khung tiêu chí chất lượng của mỗi hành vi thuộc các thành tố của mỗi năng lực cần đo. Đánh giá một năng lực bất kì nào ở người học cũng cần phải giải thích kết quả theo chuẩn đánh giá NL đó. Trong CT GDPT mới nói chung và CT GDPT môn Ngữ văn nói riêng của Việt Nam, mục tiêu phát triển năng lực phẩm chất cho HS (trong đó có năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) được xem là điểm nhấn quan trọng tạo nên sắc màu hội nhập. Để phát triển được năng lực đó, CT GDPT tổng thể đã phân tích các thành tố của năng lực này nhằm đưa được những thành tố của NL vào quá trình dạy học các môn. Tuy nhiên, nếu chưa có được chuẩn đánh giá NLST thì việc thúc đẩy quá trình học tập

của người học, giải thích kết quả người học đạt được, xác định trách nhiệm của các bên liên quan (GV, nhà trường, gia đình, ...) sẽ gặp nhiều khó khăn bởi thiếu những căn cứ khoa học cần thiết.

Quan điểm giáo dục phát triển năng lực đã khẳng định *chuẩn đánh giá năng lực có mục đích tối thượng là thúc đẩy sự tiến bộ của người học* [2] dựa trên việc giải thích thành tích của người học theo đường phát triển năng lực (các mức của chuẩn) đã được mô tả. Để góp phần làm rõ và từng bước hiện thực hóa mục đích này, chúng tôi đã đề xuất chuẩn đánh giá NLST với ba mức để có thể đo được NLST của HS trong tạo lập VBNL. Chúng tôi cho rằng, đây là bước đi cần thiết, phù hợp với xu thế hiện đại của khoa học đánh giá trong dạy học Ngữ văn. Vấn đề nghiên cứu thực sự rất lí thú, bổ ích nhưng cũng hết sức phức tạp và khó. Chúng tôi mong rằng, sẽ có những cơ hội mới để tiếp tục trở lại vấn đề này ở một phạm vi rộng và sâu hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông* môn Ngữ văn.
- [2] Nguyễn Lộc - Nguyễn Thị Lan Phương (đồng chủ biên) - Đặng Xuân Cường, chi Anh Hoa, Nguyễn Thị Hồng Vân, (2016), *Phương pháp, kĩ thuật xây dựng chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực giải quyết vấn đề*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*.
- [4] <http://www.australiancurriculum.edu.au/English/Rationale>.
- [5] <https://www.education.govt.nz/school>.
- [6] Dự án RGEP, (2016), *Các chuẩn chung cốt lõi của bang*

California trong môn “Tiếng Anh nghệ thuật”.

- [7] Hoàng Hòa Bình, (2015), *Năng lực và cấu trúc của năng lực*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 117.
[8] Đỗ Thu Hà, (10/2018), *Đánh giá năng lực tạo lập văn*

bản viết của học sinh Trung học phổ thông theo hướng tiếp cận Chương trình, sách giáo khoa mới, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 90.

PROPOSING THE STANDARDS FOR ASSESSING HIGH SCHOOL STUDENTS' CREATIVITY COMPETENCY IN WRITING DISCOURSE TEXTS

Do Thi Thu Ha¹, Nguyen Thi Huong Lan²

¹ Email: hadt@vnies.edu.vn

² Email: lanth@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The article analyzes a number of scientific bases, including the requirements of solving problem and creativity competencies for high school students, which have been identified in the 2018 curriculum; the requirements for writing skills in discourse texts in 2018 Vietnamese and Literature curriculum and some related research results on evaluating creativity capacity and text creating competence of both domestic and foreign authors. In addition, this article identifies the main orientations in proposing the assessment standards of creativity competence in producing discourse texts for students in Vietnamese high schools. Based on that, the standards for assessing high school students' creativity competency in producing discourse texts are initially proposed.*

KEYWORDS: *Assessment standards; creativity competence; producing discourse texts; high school students.*